Số: 1416/STC-TCHCSN
Thời gian ký: 08/05/2023 11:09:22 +07:00

Phụ lục 1

TỔNG CHI CHO 01 NQ THEO ĐIỀU 27 LUẬT BAN HÀNH VBQPPL (trườnghợp ban hành mới)
(Theo mức chi quy định tại TT42/2022/TT-BTC và các nội dung chi cần thiết để xây dựng 01 VBQPPL)

ĐVT: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG CHI	VB ban hành theo Khoản 4 Điều 27					VB ban hành theo Khoản 2,3 Điều 27			VB ban hành theo Khoản 1 Điều 27			Ghi chú
		Cơ quan chủ trì soạn thảo		Báo cáo thẩm định		Báo cáo thẩm tra	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Báo cáo thẩm định	Báo cáo thẩm tra	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Báo cáo thẩm định	Báo cáo thẩm tra	
		Tờ trình đề nghị xây dựng NQ	NQ	Tờ trình đề nghị xây dựng NQ	NQ	NQ	NQ	NQ	NQ	NQ	NQ	NQ	
1	Chi soạn thảo đề cương chi tiết dự thảo Nghị quyết của HĐND, Quyết định của UBND		1.500				1.500			1.500			
2	Chi soạn thảo Nghị quyết của HĐND, quyết định của UBND		4.800				4.800			4.800			
3	Chi soạn thảo các báo cáo phục vụ công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật												
	Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết HĐND cấp tỉnh	3.000											
	Bản tổng hợp, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý		900				900			900			
	Báo cáo đánh giá tác động của chính sách		8.000				8.000						
	Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án, dự thảo (nếu trong dự thảo có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới)		2.000				2.000			2.000			
	Bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự án, dự thảo văn bản (nếu trong dự thảo có quy định thủ tục hành chính)		2.000				2.000			2.000			Chỉ trong trường hợp được luật, nghị quyết của Quốc hội giao (Đ14 Luật Ban hành VBQPPL, sửa đổi bs 2020)
	Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật:		4.000				4.000						
4	Soạn thảo văn bản góp ý; báo cáo thẩm định, thẩm tra văn bản của cơ quan thẩm định, thẩm tra												
	Soạn thảo văn bản góp ý	1.750	1.750				1.750			1.750			Tính trung bình 5VB có nội dung góp ý
	Báo cáo thẩm định, báo cáo thẩm tra												
	+ Đề nghị xây dựng nghị quyết			750									
	+ Dự thảo văn bản				750	750		750	750		750	750	
5	Chi cho cá nhân tham gia họp, hội thảo, tọa đàm, hội nghị và họp báo												
	Chủ trì		300	150	150	150	300	150	150	300	150	150	- Đối với cq soạn thảo: Tính trung bình tổ chức 2 cuộc họp, mỗi cuộc họp 10 người; - Đối với cơ quan thẩm định, thẩm tra: tổ chức 01 cuộc họp, mỗi cuộc họp 7 người.
	Các thành viên tham dự		1.800	600	600	600	1.800	600	600	1.800	600	600	
6	Các nội dung chi cần thiết khác (photo tài liệu, vpp, nước uống các cuộc họp,…)	250	1.000				1.000			1.000			
	Tổng cộng	**5.000**	**28.050**	**1.500**	**1.500**	**1.500**	**28.050**	**1.500**	**1.500**	**16.050**	**1.500**	**1.500**	
	Tổng chi cho 01 Nghị quyết					**37.550**			**31.050**			**19.050**	

*** Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều: Định mức phân bổ kinh phí không quá 80% định mức phân bổ đối với văn bản được ban hành mới hoặc thay thế (Điểm e khoản 1 Điều 5 TT 338/2017/TT-BTC, sửa đổi bổ sung bởi TT 42/2022/TT-BTC)**

Phụ lục 2

TỔNG CHI CHO 01 QĐ THEO ĐIỀU 28 LUẬT BAN HÀNH VBQPPL (trường hợp ban hành mới)
(Theo mức chi quy định tại TT42/2022/TT-BTC và các nội dung chi cần thiết để xây dựng 01 VBQPPL)

ĐVT: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG CHI	VB ban hành theo Khoản 2,3 Điều 28		VB ban hành theo Khoản 1 Điều 28		Ghi chú
		Cơ quan chủ trì soạn thảo	Báo cáo thẩm định	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Báo cáo thẩm định	
1	Chi soạn thảo đề cương chi tiết dự thảo Quyết định của UBND	1.500		1.500		
2	Chi soạn thảo quyết định của UBND	4.800		4.800		
3	Chi soạn thảo các báo cáo phục vụ công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật					
	Bản tổng hợp, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý	900		900		
	Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án, dự thảo (nếu trong dự thảo có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới)	2.000		2.000		
	Bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự án, dự thảo văn bản (nếu trong dự thảo có quy định thủ tục hành chính)	2.000		2.000		Chỉ trong trường hợp được luật, nghị quyết của Quốc hội giao (Đ 14 Luật Ban hành VBQPPL, sửa đổi bs 2020)
	Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật:	4.000				
4	Soạn thảo văn bản góp ý; báo cáo thẩm định, thẩm tra văn bản của cơ quan thẩm định, thẩm tra					
	Soạn thảo văn bản góp ý	1.750		1.750		Tính trung bình 05VB có nội dung góp ý
	Báo cáo thẩm định, báo cáo thẩm tra					
	+ Dự thảo văn bản		750		750	
5	Chi cho cá nhân tham gia họp, hội thảo, tọa đàm, hội nghị và họp báo					
	Chủ trì	300	150	300	150	- Đối với cq soạn thảo: Tính trung bình tổ chức 2 cuộc họp, mỗi cuộc họp 10 người; - Đối với cơ quan thẩm định, thẩm tra: tổ chức 01 cuộc họp, mỗi cuộc họp 7 người.
	Các thành viên tham dự	1.800	600	1.800	600	
6	Các nội dung chi cần thiết khác (photo tài liệu, vpp, nước uống các cuộc họp,…)	1.000		1.000		
	Tổng cộng	**20.050**	**1.500**	**16.050**	**1.500**	
	Tổng chi cho 01 Quyết định		**21.550**		**17.550**	

*** Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều: Định mức phân bổ kinh phí không quá 80% định mức phân bổ đối với văn bản được ban hành mới hoặc thay thế (Điểm e khoản 1 Điều 5 TT 338/2017/TT-BTC, sửa đổi bổ sung bởi TT 42/2022/TT-BTC)**

Phụ lục 3

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ XÂY DỰNG VĂN BẢN QPPL

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng hợp kinh phí tại Phụ lục 1, 2	Mức tối đa TT42	Mức hiện tại NQ77	Mức đề xuất	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
						Cơ quan chủ trì soạn thảo	cơ quan thẩm định	Cơ quan thẩm tra	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	C
1	**Nghị quyết ban hành theo Khoản 4 Điều 27**								
	+ Dự thảo VB Ban hành mới (*)	37.550	30.000	10.000	**30.000**	25.500	3.000	1.500	Bằng mức tối đa TT42/2022/TT-BTC
	+ Dự thảo VB Sửa đổi, bổ sung		24.000	8.000	24.000	20.400	2.400	1.200	80% VB ban hành mới
2	**Nghị quyết ban hành theo Khoản 2,3 Điều 27**								
	+ Dự thảo VB Ban hành mới (**)	31.050	30.000	10.000	**25.000**	22.000	1.500	1.500	Bằng tỷ lệ kp Cột 1(**)/ Cột 1(*)
	+ Dự thảo VB Sửa đổi, bổ sung		24.000	8.000	20.000	17.600	1.200	1.200	80% VB ban hành mới
3	**Nghị quyết ban hành theo Khoản 1 Điều 27**								
	+ Dự thảo VB Ban hành mới (***)	19.050	30.000	10.000	**19.000**	16.000	1.500	1.500	Bằng tổng chi thực tế (***), đảm bảo thấp hơn VB ban hành theo K2,3,4Đ27
	+ Dự thảo VB Sửa đổi, bổ sung		24.000	8.000	15.200	12.800	1.200	1.200	80% VB ban hành mới
4	**Quyết định ban hành theo Khoản 2,3 Điều 28**								
	+ Dự thảo VB Ban hành mới (****)	21.550	30.000	10.000	**20.000**	18.500	1.500		Bằng mức tối đa TT42/2022/TT-BTC
	+ Dự thảo VB Sửa đổi, bổ sung		24.000	8.000	16.000	14.800	1.200		80% VB ban hành mới
5	**Quyết định ban hành theo Khoản 1 Điều 28**								
	+ Dự thảo VB Ban hành mới (*****)	17.550	30.000	10.000	**16.000**	14.500	1.500		Bằng tỷ lệ kp Cột 1(*****)/ Cột 1(****)
	+ Dự thảo VB Sửa đổi, bổ sung		24.000	8.000	12.800	11.600	1.200	-	80% VB ban hành mới